

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa chị Trần Thị
K và anh Nguyễn Anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17-8-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 10N, Ô 19, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 6C 3 tầng, 13 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1967; ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 10N, Ô 19, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 6C 3 tầng, 13 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị K có mặt, bị đơn anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh H tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống như vợ chồng từ năm 1995, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22-01-1997 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và tính cách nên thường xuyên xảy ra va chạm. Bản thân anh H không quan tâm đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, gây sự, đánh đập, chửi bới, lăng mạ chị. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ anh H với mong muốn anh H sửa chữa, thay đổi tính nết nhưng anh H vẫn không có sự thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai bên chung sống không còn tình cảm và không còn tôn trọng lẫn nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1998 (chết ngày 20-4-2021) và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21-9-2015. Cháu H đã trưởng thành còn cháu H hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H. Do chị có công việc và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo tốt cuộc sống cho con nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị K không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh H vắng mặt. Do đó, anh H không có quan điểm giải quyết vụ án.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 06-7-2021, chính quyền địa phương nơi chị K và anh H sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H sinh sống tại số nhà 6C 3 tầng, 13 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải. Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1998 (chết tháng 4-2021) và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21-9-2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh H chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị K và anh H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con Nguyễn Minh H, sinh ngày 21-9-2015 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị K không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh H đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22-01-1997 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H phát sinh mâu thuẫn. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa. Điều đó thể hiện việc anh H không có thiện chí hòa giải để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa chị K giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị K và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H có ba con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1998 (chết ngày 20-4-2021) và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21-9-2015. Cháu Hiếu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu H còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiệp. Anh H không có quan điểm gì. Vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Nguyễn Minh H cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Anh H.

2. Về nuôi con:

- Giao con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 21-9-2015 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp tại biên lai thu tiền số **0002916** ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P.T, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

